TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 100/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 12 - 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Tôn Nám.

2. Bà Trần Thị Hoài Yên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2017, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị T, sinh năm 1976 (có tên khác là Trương Mỹ T, sinh năm 1980) (Có mặt).

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2017 và tại phiên tòa, bà Trương Thị T trình bày: Vào năm 1998 bà và ông Nguyễn Văn L chung sống như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn. Do giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình và không hòa hợp trong lối sống nên bà và ông Nguyễn Văn L đã không còn chung sống với nhau. Vì không tìm được hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Về con chung, có 03 người tên là Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 19/02/2000; Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 06/11/2003

và Nguyễn Khánh B, sinh ngày 16/4/2009, hiện đang do bà nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được nuôi cả ba người con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 04 tháng 12 năm 2017, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Về thời gian chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn và mâu thuẫn phát sinh giữa vợ chồng đúng như bà Trương Thị T đã khai. Nay ông đồng ý ly hôn với bà Trương Thị T. Về con chung, ông thống nhất giao cả ba người con cho bà Trương Thị T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung do ông và bà T tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc bà Trương Thị T xin ly hôn ông Nguyễn Văn L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ông Nguyễn Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn L vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn L không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn L không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung, có 03 người tên là Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 19/02/2000; Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 06/11/2003 và Nguyễn Khánh B, sinh ngày 16/4/2009, hiện đang do bà Trương Thị T nuôi dưỡng. Bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn L thống nhất thỏa thuận với nhau là bà Trương Thị T chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cả 03 người con chung và bà Trương Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Văn L không cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được công nhận.

[4] Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trương Thị T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận bà Trương Thị T (Trương Mỹ T) và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Trương Thị T chịu trách nhiệm và tiếp tục nuôi dưỡng 03 người con chung tên là Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 19/02/2000; Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 06/11/2003 và Nguyễn Khánh B, sinh ngày 16/4/2009. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị T là không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, Bà Trương Thị T chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006771, ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Bà Trương Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Trương Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương